



BIỂU PHÍ SẢN PHẨM THẺ TÍN DỤNG/ THẺ ĐA NĂNG SEABANK
(Có hiệu lực từ 01/05/2026)

M	DỊCH VỤ THẺ		Thẻ Tín dụng Visa/ MasterCard (2)								Thẻ đa năng	
			Hạng Chuẩn	Hạng vàng	Hạng Platinum	SeALady Cashback	SeA-Easy	BRG Elite	SeAGolf Platinum	SeATravel Platinum	Signature	Visa SeASoul 2in1
I	Phí dịch vụ											
1	Phí phát hành (chỉ áp dụng với thẻ mở mới, không áp dụng với KH trả lương, thẻ phát hành theo gói và thẻ phát hành qua kênh online)	Thẻ chính	Miễn phí									
		Thẻ phụ	Miễn phí									
2	Phí thường niên/ phí sử dụng thẻ (**)	Thẻ chính	330.000 VND	440.000 VND	990.000 VND	495.000 VND	440.000 VND	330.000 VND	2.200.000 VND		3.300.000 VND	550.000 VND
		Thẻ phụ	330.000 VND	440.000 VND	990.000 VND	495.000 VND	440.000 VND	330.000 VND	Không áp dụng	1.100.000 VND	Miễn phí	Không áp dụng
3	Phí thay thế thẻ vật lý	Thẻ chính	110.000 VND	110.000 VND	220.000 VND	110.000 VND	110.000 VND	110.000 VND	220.000 VND	220.000 VND		110.000 VND
		Thẻ phụ	110.000 VND	110.000 VND	220.000 VND	110.000 VND	110.000 VND	110.000 VND	không áp dụng	220.000 VND		110.000 VND
4	Phí gia hạn (bao gồm trường hợp khách hàng chủ động và SeABank chủ động)		Miễn phí									
5	Phí thay thế thẻ vật lý khẩn cấp	Thẻ chính	220.000 VND								Miễn phí	220.000 VND
		Thẻ phụ	220.000 VND									220.000 VND
6	Phí cấp lại mật khẩu PIN/ E-PIN		55.000 VND									55.000 VND
7	Phí thay thế thẻ và phát hành lại PIN cho khách hàng trong trường hợp thẻ bị nuốt		Miễn phí									Miễn phí
8	Thông báo mất cắp/thất lạc thẻ (trường hợp khách hàng yêu cầu cấp nhập lên Tổ chức thẻ)		110.000 VND									110.000 VND
9	Khiếu nại (Áp dụng nếu khách hàng khiếu nại sai)		110.000 VND									110.000 VND
10	Phí đóng thẻ (***)		220.000 VND						550.000 VND	550.000 VND	2.200.000 VND	220.000 VND
11	Cấp lại bản sao hóa đơn giao dịch (tại POS)	Trong hệ thống	Không áp dụng									
		Ngoài hệ thống										
12	Phí cấp lại sao kê tại quầy	Không có xác nhận Ngân hàng	11.000 VND							Miễn phí	11.000 VND	
		Có xác nhận Ngân hàng (1 lần tối đa 2 bản)	33.000 VND	55.000 VND	88.000 VND	55.000 VND	33.000 VND	33.000 VND	88.000 VND		88.000 VND	33.000 VND
13	Phí cấp phép giao dịch ngoài hạn mức (*)		Miễn phí								Miễn phí	
14	Phí chậm thanh toán (*)		5.5% giá trị chậm thanh toán, tối thiểu 199.000 VND									
15	Phí thay đổi hạn mức tín dụng của thẻ (*)		Miễn phí								Miễn phí	Miễn phí
16	Phí thay đổi hạng thẻ		110.000 VND			Không áp dụng						110.000 VND
17	Phí khóa, mở thẻ		Miễn phí									Miễn phí
18	Phí thay đổi hạn mức giao dịch (*)		Miễn phí									Miễn phí
19	Phí dịch vụ SMS (Thu từ hạn mức tín dụng)		Miễn phí									Miễn phí
20	Phí trả thẻ tại nhà		Miễn phí									Miễn phí
21	Phí nhận E-PIN		Miễn phí									Miễn phí
22	Phí hoàn tiền dương từ thẻ tín dụng (đư có vượt hạn mức thẻ tín dụng)		1.1 % số tiền Khách hàng yêu cầu hoàn lại tối thiểu 11.000 VND (với giá trị yêu cầu hoàn từ 100.000 VND trở lên)									1.1 % số tiền Khách hàng yêu cầu hoàn lại tối thiểu 11.000 VND (với giá trị yêu cầu hoàn từ 100.000 VND trở lên)

M	DỊCH VỤ THẺ	Thẻ Tín dụng Visa/ MasterCard (2)								Thẻ đa năng	
		Hạng Chuẩn	Hạng vàng	Hạng Platinum	SeAlady Cashback	SeA-Easy	BRG Elite	SeAGolf Platinum	SeATravel Platinum	Signature	Visa SeASoul 2in1
V	Giao dịch qua Ebank/Ứng dụng hỗ trợ thanh toán										
	1	Ứng tiền mặt vào tài khoản thanh toán của chính chủ thẻ tại SeABank				Không áp dụng					
	2	Thanh toán hóa đơn (Billing, QR, Topup...)				Miễn phí					
	3	Thanh toán QR									
	4	Thanh toán Dịch vụ hỗ trợ thanh toán trên ứng dụng Samsung Pay									
VI	Phí dịch vụ trả góp (chỉ áp dụng cho thẻ tín dụng giao dịch tại đối tác liên kết)										
	1	Phí thiết lập giao dịch trả góp				Miễn phí					
	2	Phạt chậm thanh toán trả góp (*)				5.5% giá trị chậm thanh toán, tối thiểu 110.000 VND					
VII	Phí dịch vụ trả góp áp dụng cho thẻ tín dụng giao dịch ngoài đối tác liên kết.										
	1	Phí thiết lập giao dịch trả góp (*) (****)				0.8% giá trị chuyển đổi trả góp * số tháng khách hàng đăng ký trả góp (áp dụng cho thẻ tín dụng SeABank)					
	2	Phạt chậm thanh toán trả góp (*)				5.5% giá trị chậm thanh toán, tối thiểu 110.000 VND					
VIII	Phí Giao dịch rút tiền của thẻ quốc tế do Ngân hàng khác phát hành trên ATM của SeABank										
	1	Thẻ Visa/MasterCard phát hành ngoài Việt Nam (bao gồm thẻ phát hành tại Châu Âu)				49.500 VND/giao dịch			Miễn phí	Không áp dụng	
IX	Phí dịch vụ nhận tiền chuyển đến qua hệ thống của Tổ chức thẻ										
	1	Phí dịch vụ nhận tiền chuyển đến qua hệ thống của Tổ chức thẻ				1.1%/ giá trị giao dịch, tối thiểu 55.000 VND					
X. Ưu đãi phí dịch vụ thẻ SeABank áp dụng cho Khách hàng ưu tiên											
1. Phí thường niên:											
- Thẻ ghi nợ Visa Platinum (SeAPremium): Miễn phí thường niên trọn đời. Khi không còn là KHUT, phí thường niên: 165.000 VND											
- Các thẻ ghi nợ còn lại (trừ thẻ ghi nợ Visa Platinum): Miễn phí 01 năm đầu tiên. Mã ưu đãi: SEB-100-20170905 (Giảm 100% phí TN 1 nam thẻ SeABank từ khi mở thẻ)											
- Thẻ tín dụng (Chỉ áp dụng với hạng thẻ Chuẩn, vàng, Titanium, Signature riêng hạng Platinum chỉ áp dụng với thẻ Visa Platinum- VSPC): Miễn phí 01 năm đầu tiên. Mã ưu đãi: SEB-100-20170905 (Giảm 100% phí TN 1 nam thẻ SeABank từ khi mở thẻ)											
2. Phí thay thế thẻ vật lý: Miễn phí thay thế thẻ vật lý (lầm lại thẻ cứng)											
Lưu ý:											
- Biểu phí này đã bao gồm thuế giá trị gia tăng, ngoại trừ các mục (*) Các phí không thu VAT, bao gồm: Phí cấp phép giao dịch ngoài hạn mức, phí phạt chậm thanh toán, phí thay đổi hạn mức tín dụng, phí thay đổi hạn mức giao dịch, phí phạt chậm thanh toán trả góp, phí trả nợ trước hạn trả góp.											
- (**) Phí thường niên thu tại thời điểm phát hành thẻ (đối với thẻ ghi nợ) và tại thời điểm kích hoạt thẻ (đối với thẻ tín dụng), thời hạn phí thường niên được tính từ ngày T năm A đến hết ngày T -1 năm A+1 (A là năm phát hành thẻ). Đối với trường hợp phát hành lại thẻ do bị mất, phí thường niên sẽ được thu vào tháng phát hành lại thẻ mất từ các năm kế tiếp.											
- (***) Chỉ áp dụng cho các thẻ đóng trước 12 tháng kể từ ngày mở thẻ và yêu cầu xuất phát từ khách hàng.											
- (****) Phí thiết lập trả góp sẽ được thu 01 lần ngay khi khách hàng đăng ký trả góp thành công và không được hoàn trả trong mọi trường hợp											
- Đối với phí hoàn tiền được từ thẻ tín dụng (dư có vượt hạn mức thẻ tín dụng): Chỉ thu phí này nếu yêu cầu xuất phát từ Khách hàng. Không áp dụng thu phí này với trường hợp Khách hàng yêu cầu hoàn tiền khi thẻ tín dụng đã đóng được 45 ngày và/ hoặc trường hợp Khách hàng được hoàn lại tiền sau khi tra soát liên quan đến thẻ tín dụng/ trường hợp SeABank thực hiện đóng thẻ chủ động của KH. Phân quyền cho cấp thẩm quyền từ GD ĐVKD trở lên được phê duyệt miễn/ giảm phí này											
- Các trường hợp không đề cập đến thẻ Phụ thì mức phí được áp dụng như thẻ Chính của biểu phí này.											
- Phí phát hành thẻ phụ thứ 2 trở đi: chỉ thu với thẻ phụ từ thứ 2 trở đi của chính loại thẻ đó (thẻ phụ từ thứ 2 trở đi không bao gồm thẻ phụ đã đóng)											
- Phí quản lý giao dịch VND tại các ĐVCNT nước ngoài: thu ngay khi khách hàng phát sinh giao dịch VND tại các đơn vị chấp nhận thẻ nước ngoài bao gồm: Facebook, Google, TikTok. Giao dịch bị thu phí sẽ chứa nhóm ký tự (không phân biệt chữ hoa/ thường) theo quy định của SeABank.											
- Trong trường hợp khách hàng phát hành lại thẻ do thẻ bị mất/ hoặc hư hỏng thẻ có cấp lại PIN sẽ được áp dụng đồng thời loại phí: Phí gia hạn/ thay thế thẻ vật lý và Phí cấp lại mặt khẩu (PIN/e-PIN)											
- Không thu phí phát hành lại thẻ trong trường hợp lỗi hệ thống, lỗi phát hành thẻ/ các trường hợp phát hành lại do SeABank chủ động chặn giao dịch thẻ/ khóa/ đóng thẻ.... Nếu KH đủ điều kiện phát hành lại thẻ . Với thẻ BRG Elite, SeAGolf Hội viên: trường hợp phát sinh lỗi liên quan đến mã hội viên, Khách hàng sẽ được miễn phí phát hành lại thẻ											
- Đối với các trường hợp hệ thống thu phí tự động thiếu, nếu được phát hiện, GDV của đơn vị mở thẻ sẽ thực hiện hạch toán thủ công khi hệ thống cho phép.											
- Chi tiết phí trả góp tại đối tác liên kết sẽ theo quy định tại từng đối tác cụ thể											